

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ ĐỤNG ĐỘ, ĐỐI THOẠI VÀ HỢP TÁC GIỮA CÁC NỀN VĂN HÓA, VĂN MINH

BÙI MINH PHƯƠNG^(*)

Quá trình toàn cầu hoá đang làm cho mỗi quan hệ của các nền văn minh trên thế giới phức tạp hơn bao giờ hết. Cũng từ đó các quan điểm về đụng độ, đối thoại hay hợp tác giữa các nền văn minh có điều kiện phát triển nở rộ và theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Các cuộc bàn thảo về mối quan hệ giữa các nền văn minh đã và đang là chủ đề gây nhiều tranh cãi. Tất nhiên, những quan điểm khác nhau vẫn tìm được cho mình một chỗ dựa để tồn tại. Bài viết làm rõ các xu hướng nghiên cứu trên thông qua những tác giả tiêu biểu nhất cho đến thời điểm hiện tại.

1. Ngày nay, những nghiên cứu về các nền văn minh đang tập trung làm rõ mối quan hệ giữa sự khác biệt, thậm chí đụng độ giữa các nền văn minh và xung đột và chiến tranh của các quốc gia – dân tộc. Cuộc tranh cãi về vấn đề này thực sự bùng nổ vào năm 1993 sau bài viết “Sự đụng độ của các nền văn minh” của S. Huntington trên tạp chí *Foreign Affairs* (xem: 8). Huntington đã khẳng định, nguồn gốc cơ bản của các xung đột trên thế giới này, từ khi chiến tranh lạnh kết thúc, sẽ không còn là hệ tư tưởng hay kinh tế nữa. Ranh giới quan trọng nhất chia rẽ loài người và là

nguồn gốc của các xung đột sẽ là văn hoá. “Sự đụng độ giữa các nền văn minh sẽ trở thành nhân tố chi phối chính trị thế giới. Ranh giới giữa các nền văn minh sẽ là chiến tuyến tương lai” (8, tr.8).

Mấu chốt trong luận thuyết của Huntington là tôn giáo - điểm khác biệt lớn nhất giữa các nền văn minh. Văn minh theo quan niệm của ông là sự khác nhau về giá trị và niềm tin.

Cùng chung một dòng chảy “đụng độ văn minh không thể hoà giải” xuất hiện hai nhánh khác nhau. Một nhánh, chủ yếu của các tác giả phương Tây vừa quan niệm đụng độ văn minh là không thể hoà giải nhưng cho rằng cuối cùng nền văn minh phương Tây với nhiều ưu thế hơn, nhiều tiềm lực hơn sẽ thắng và trở thành nền văn minh phổ quát. Điển hình cho khuynh hướng này có Francis Fukuyama (xem: 1). Cũng có khuynh hướng như vậy, nhưng ít mang màu sắc chính trị hơn là Ronald Inglehart với cuốn sách về “Hiện đại hoá và hậu hiện đại hoá. Thay đổi văn hoá, kinh tế và chính trị ở 43 xã hội (1999)” và bài viết

^(*) ThS., Viện Thông tin KHXH.

“Sự đụng độ của các nền văn minh hay là hiện đại hoá văn hoá thế giới”.

2. Một nhóm tác giả thứ hai bàn đến đụng độ văn minh dưới khía cạnh tố cáo bá quyền văn hoá hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc văn hoá của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và các nước phương Tây. Các tác giả này nhận thấy trong tình hình của toàn cầu hoá hiện nay, các nước lớn đang dựa vào sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự của mình và cả sức mạnh mềm là những hoạt động văn hoá đang được hỗ trợ bằng điều kiện vật chất để mở rộng và khẳng định tính ưu việt của nền văn minh phương Tây. Đụng độ văn minh ở đây được giải quyết theo kiểu kẻ mạnh sẽ thắng, dẫn đến sự suy yếu rồi tiêu vong của các nền văn minh khác. Tiêu biểu cho xu hướng này là các công trình: “Chủ nghĩa đế quốc văn hoá cuối thế kỷ XX” (1993) của James Petras, “Mỹ hoá hay toàn cầu hoá nước Mỹ” (1999) của Elena Korjakina, “Thử bàn về đụng độ văn hoá trong quan hệ quốc tế” (2004) của Gwa Jiemin, “Sự đụng độ thực sự giữa các nền văn minh” của Ronald Inglehart, “Đối thoại văn minh trong tầm nhìn toàn cầu hoá kinh tế” (2004) của Wang Jian, v.v...

Thông qua các bài viết tiêu biểu trên các tác giả cũng đã có nhiều quan điểm phản đối Huntington về lý luận “sự đụng độ giữa các nền văn minh”. Đặc biệt nhiều tác giả không đồng ý với khái niệm “văn minh”, đường biên giới giữa các nền văn minh và nhiều vấn đề khác trong luận thuyết về sự đụng độ giữa các nền văn minh của Huntington. Cũng với các tiếp cận phê phán như trên, nhiều tác giả đã luận giải nguyên

nhân của sự đụng độ giữa các nền văn minh, như giữa nền văn minh phương Tây và thế giới Hồi giáo không phải là dân chủ mà là giới tính; giữa phương Đông và phương Tây không chỉ là khác biệt về văn hoá mà còn có nguyên nhân từ kinh tế, chính trị; sự đụng độ không chỉ giữa các nền văn minh mà còn trong nội bộ của một nền văn minh; thực chất của sự đụng độ là xung đột giữa các nền văn minh xưa và nay, tức xung đột của văn minh nông nghiệp với văn minh công nghiệp và đưa toàn cầu hoá đến kết quả là nền văn minh công nghiệp sẽ thay thế nền văn minh nông nghiệp, v.v...

Có thể thấy, chính Huntington đã khơi lên ngọn lửa nghiên cứu về mối quan hệ giữa các nền văn hoá, văn minh trên phạm vi toàn thế giới, ông đã đánh trúng điểm yếu của lý thuyết: văn hoá không chỉ là miếng đất của hợp tác và hoà hợp; đó là miếng đất tự nhiên của xung đột, đụng độ. Và vì thế nó đã làm tổn không ít giấy mực và nhiều cuộc hội thảo bàn về vấn đề này. Thiết nghĩ điều đó là vô cùng cần thiết để cảnh báo, dự báo cho các nhà nước dân tộc trong quan hệ quốc tế không thể xem nhẹ những nhân tố văn hoá, văn minh. Chính trong xu thế đó, ngày nay, người ta nhấn mạnh đến ngoại giao văn hoá và nó đang trở thành “mốt” của các nhà nước, được coi là cái “đi trước, về sau” trong quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới.

3. Nhóm khuynh hướng thứ ba có lẽ là hợp lý hơn cả vì nó có ý nghĩa nhất của thời đại ngày nay, đó là: tìm con đường đúng đắn để giải quyết các đụng độ văn minh. Có thể rút ra một số điểm

chủ yếu trong nội dung công trình của các tác giả theo khuynh hướng này:

Thứ nhất, thừa nhận đụng độ giữa các nền văn minh như là tất yếu của thời đại ngày nay.

Thứ hai, nhấn mạnh tầm quan trọng và hậu quả của đụng độ văn minh trong thời đại toàn cầu hoá.

Thứ ba, đụng độ văn minh là vấn đề phải giải quyết và có thể giải quyết theo phương châm đối thoại và hợp tác.

Thứ tư, giải quyết đụng độ văn minh dựa trên những đặc điểm của mỗi nền văn minh, đồng thời không tách rời những vấn đề kinh tế và chính trị.

Những nội dung chung trên đây trong hàng loạt công trình, tiêu biểu là: “Đụng độ hay là hợp nhất” (1996) của Wang Jisi và Zou Sicheng, “Đụng độ hay là bản hoà tấu của các nền văn minh trong quá trình hiện đại hoá toàn thế giới” (1995) của V.G. Khירו, “Toàn cầu hoá văn hoá và sự đối thoại giữa các nền văn hoá” (2003) của U. Makbraid, “Các phương diện văn minh của một nền văn hoá” (2001) của Yakovets Yu. V., “Đối thoại, chứ không phải là sự đụng độ giữa các nền văn minh” (2000) của Mahdi Elmandjra,...

Đụng độ giữa các nền văn minh không chỉ có ý nghĩa tiêu cực, thông qua đụng độ giúp các nền văn minh có năng lực phản tư, tự nhận thức được sâu sắc hơn về chính bản thân mình và tìm cách điều chỉnh cho phù hợp trong một thế giới mà đụng độ về văn hoá, văn minh dẫn đến đối địch giữa các quốc gia, dân tộc. Sự khác biệt giữa các nền văn minh có tính tất yếu khách quan của nó, không thể dùng sức mạnh để chinh phục và tiêu diệt, cũng không thể dùng

một thứ văn minh để thống trị loài người. Ngoài ra, đụng độ giữa các nền văn minh có thể duy trì sức sống và thúc đẩy dung hợp giữa chúng. Đụng độ là thể hiện tính đa dạng và cần sự kích thích, cạnh tranh của các nền văn minh. Đụng độ giữa các nền văn minh thúc đẩy văn hoá các nước, các dân tộc hiểu biết lẫn nhau sâu thêm, bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, cũng có thể làm cản trở mức độ khác nhau tính đồng nhất văn hoá, làm gay gắt thêm mâu thuẫn quốc gia, thậm chí dẫn phát chiến tranh. Đồng nhất văn hoá đòi hỏi sự thích ứng, khoan dung và hoà hợp lẫn nhau giữa các hệ thống văn hoá khác nhau, do đó là một quá trình lâu dài, thậm chí là quanh co.

Hiện nay, hầu hết các nhà nghiên cứu về văn hóa, văn minh trên thế giới đều có một mong muốn đánh thức nhân tố tích cực, hướng các nền văn minh trên thế giới đến mối quan hệ đối thoại, hợp tác lẫn nhau.

Nguyên nhân của đụng độ giữa các nền văn minh về đại thể đã được làm rõ, nhưng tại sao các nền văn minh lại phải đối thoại, hợp tác với nhau? Đã có nhiều nhà nghiên cứu đi tìm câu trả lời và có thể ghi nhận như sau:

Thứ nhất, xuất phát điểm lấy đụng độ làm cơ sở để luận giải cho đối thoại và hợp tác. Nhiều tác giả cho rằng, sự khác biệt giữa các nền văn hoá không chỉ được xem như một nguyên nhân gây ra các mối quan hệ xung đột, chúng còn có thể là nguồn gốc của những thể nghiệm về tính bổ sung. Các nền văn hoá khác nhau có những công cụ trí tuệ, biểu trưng và sinh tồn đem lại một quan niệm riêng về hiện thực cá nhân, lịch sử và vũ trụ, nhưng chúng không cần một

quan niệm không có tính thẩm thấu. Dĩ nhiên, việc làm giàu lẫn nhau chỉ có thể thực hiện được khi các đảng phái khác nhau thừa nhận bản chất có giới hạn của chúng. Đối thoại là sự thừa nhận những quan điểm khác và những kinh nghiệm khác trong sự trung thực và cố kết của chúng. Nó cũng ngụ ý về sự hội nhập những yếu tố có giá trị từ những truyền thống khác mà không sợ bị mất bản sắc của mình. Một đảm bảo cho hoà bình giữa các nền văn hoá và văn minh là hoà bình giữa các tôn giáo. Tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới đều kêu gọi hoà bình, tình yêu, sự hài hoà, lòng trắc ẩn, công lý, lòng nhân từ, lòng khoan dung và sự dịu hiền. Các tôn giáo không chỉ phải răn dạy về tính phi bạo lực bên trong các cộng đồng của chúng, mà còn phải thực hiện một cuộc đối thoại thân tình thành thực với các tôn giáo khác và sự bảo vệ tự do tôn giáo – pháp chế tôn trọng sự tự do về lương tâm của mỗi người và cho phép bất kỳ tôn giáo nào cũng có quyền hoạt động trên lãnh địa lịch sử của các tôn giáo khác. Và các tôn giáo sẽ có thể đạt được sự nhất trí về một hệ thống các chuẩn mực đạo đức chung đem lại một nền tảng cho hoà bình thế giới, mở cửa cho những thoả ước liên văn hoá và chính trị rộng rãi dựa trên nguyên tắc phi bạo lực.

Đồng tình với quan điểm này, tác giả Guo Jiemin đã viết trong bài “Thử bàn về đụng độ văn hoá trong quan hệ quốc tế” (2004) rằng đụng độ văn hoá có thể duy trì sức sống văn hoá, thúc đẩy dung hợp văn hoá. Đụng độ văn hoá là thể hiện tính đa dạng văn hoá, phát triển văn hoá cần sự kích thích, cạnh tranh và giao phong của các nền văn hoá khác nhau. Đụng độ văn hoá lành tính thúc đẩy văn hoá các nước, các dân

tộc hiểu biết lẫn nhau sâu thêm, bổ xung cho nhau. Các nền văn hoá khác nhau vừa mở ngõ, va đập, đụng độ lẫn nhau, vừa giao lưu, hội nhập, thu nạp lẫn nhau, đây là quy luật quan trọng của sự phát triển văn hoá các dân tộc (xem: 2).

Thứ hai, hoà bình, ổn định hợp tác để cùng phát triển đang là xu thế tất yếu của thời đại ngày nay. Một trong những người nhiệt thành ủng hộ và luận chứng cho đề án đối thoại giữa các nền văn minh phương Đông và phương Tây là cựu Tổng thống Iran M. Khatami. Với nhiều bài viết (Trong con người kết tụ cả tâm hồn phương Đông và lý tính phương Tây (2001), Đối thoại giữa các nền văn minh: kinh nghiệm lịch sử và triển vọng thế kỷ XX...) và hoạt động thực tiễn, ông đã hăng hái đề cao việc cần thiết phải đối thoại giữa các nền văn minh với mục đích hướng tới nền hoà bình trên toàn thế giới. Chẳng hạn, sau khi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua đề nghị của Cộng hoà Hồi giáo Iran về việc triển khai cuộc đối thoại giữa các nền văn hoá và văn minh, Khatami đã phát biểu tại “Hội nghị thượng đỉnh thiên niên kỷ” tại Liên Hợp Quốc, tháng 9 năm 2000, luận chứng sâu sắc cho sự cần thiết của việc đối thoại giữa các nền văn minh. Theo sáng kiến của Khatami, Liên Hợp Quốc đã tuyên bố lấy năm 2001 là năm *Đối thoại giữa các nền văn minh*.

Sau các vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Mỹ, mối quan hệ giữa phương Tây và thế giới Hồi giáo bị xấu đi, ngày 2/11/2001, Đại hội đồng UNESCO đã thông qua Tuyên bố chung về sự đa dạng văn hoá, xem đối thoại giữa các nền văn hoá là cái bảo đảm tốt nhất cho

hoà bình. Cần phải nhấn mạnh rằng, đây là lần đầu tiên cộng đồng quốc tế thông qua một văn bản pháp quy đưa tính đa dạng văn hoá lên hàng “di sản chung của nhân loại”, cái cần thiết đối với nhân loại không khác gì “sự đa dạng sinh học trong giới tự nhiên hữu sinh”. Trong tuyên bố có nói rằng, “việc bảo vệ tính đa dạng văn hoá là chỉ lệnh đạo đức” gắn liền với việc “tôn trọng phẩm giá của cá nhân con người”.

Chủ đề đối thoại giữa các nền văn minh được xác định như là mục tiêu chiến lược của UNESCO trong thời kỳ 2002 – 2007. Điều quan trọng nữa là, đây không chỉ là khẩu hiệu chính trị, hoặc thậm chí một cương lĩnh chính trị, mà là một tín niệm tôn giáo - triết học sâu sắc dựa trên toàn bộ lịch sử quan hệ qua lại giữa các dân tộc và các quốc gia. Đối thoại giữa các nền văn minh trước hết là sự đối thoại giữa các tôn giáo (xem: 3).

Thứ ba, hiện nay đang xuất hiện những vấn đề toàn cầu đòi hỏi sự hợp tác giải quyết giữa các quốc gia, dân tộc. Bên cạnh đó có sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các nền văn minh. Mặt khác, khoảng cách công nghệ giữa các nền văn minh ngày một gia tăng, các nền văn minh có trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại đang chiếm ưu thế và đòi hỏi các nền văn minh phát triển chậm hơn phải hợp tác, học hỏi. Sự phân hữu tri thức (division of knowledge) là quá trình không thể cưỡng lại trong một thế giới có phân cực về mặt công nghệ sâu sắc. Phương hướng hợp tác giữa các nền văn minh là sự thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển công nghệ.

Thứ tư, quy luật tồn tại và phát triển của các nền văn hoá, văn minh đó

là giao lưu, đối thoại và hợp tác. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng nền văn minh nào tự cô lập mình với thế giới còn lại sẽ tất yếu bị diệt vong. Ủng hộ đa dạng văn hoá, khuyến khích các nền văn hoá đối thoại, hợp tác nhằm bổ sung, kế thừa những giá trị tốt đẹp của nhau, nhiều nghiên cứu cho rằng: Tính đa dạng văn hoá là một điều kiện của cuộc sống, trong đó có cuộc sống của con người. Ví như thiên nhiên không ngừng tạo ra tính đa dạng. Chúng ta có thể coi trọng việc bảo tồn tính đa dạng giống loài hay môi trường với tính cách là các loại vật phẩm chung toàn cầu. Tính đa dạng văn hoá thường nói lên mục tiêu mà sự biệt lệ về văn hoá đang theo đuổi, sự đánh giá cao và bảo vệ các nền văn hoá thế giới đang phải đối mặt với nguy cơ đồng dạng hoá. Liên quan đến vấn đề này, hiện nay xuất hiện chủ nghĩa cô lập văn hoá - những người theo khuynh hướng này hoàn toàn bỏ qua mối quan hệ tác động tích cực tồn tại giữa các nền văn minh và văn hoá khác nhau trong lịch sử mà nhấn mạnh phiến diện việc bảo tồn tính độc đáo văn hoá của mình. Chủ nghĩa cô lập văn hoá cho rằng, giữa các nền văn minh và văn hoá khác nhau là không thể đối thoại, hợp tác, do đó, để bảo vệ văn hoá bản địa vốn còn “chưa bị ô nhiễm” và còn mang “phong vị nguyên sơ”, nó phản đối các nền văn hoá ngoại lai, hoàn toàn cách ly văn hoá của mình với thế giới bên ngoài, tự cô lập mình. Đỉnh cao hơn của chủ nghĩa cô lập văn hoá là chủ nghĩa cực đoan văn hoá, họ không chỉ phản đối sự giao lưu, tham khảo, hấp thụ và dung hợp lẫn nhau giữa các nền văn hoá mà còn dùng phương thức bạo lực và đổ máu để tiêu diệt các nhân tố văn hoá “dị đoan”, thậm chí còn tiêu diệt về mặt vật chất

đối với các chủng tộc và tổ chức tôn giáo mà nền văn hoá “dị đoan” đang sở hữu (xem: 4, 5).

Như vậy, có thể thấy hợp tác giữa các nền văn minh là rất có triển vọng nhưng lại rất phức tạp. Nó giả định phát triển sự hợp tác có thiện chí giữa các nền văn minh. Các bộ phận của cộng đồng toàn cầu, các quốc gia và các dân tộc, tạo ra cơ chế hữu hiệu để giải quyết mâu thuẫn tất yếu xuất hiện giữa các nền văn minh. Sự giúp đỡ lẫn nhau, sự giúp đỡ các dân tộc và các nền văn minh nghèo, kém phát triển hơn khi có sự bình quyền về chính trị, không có cưỡng bức, bạo lực. Khi phát triển nền dân chủ toàn cầu bảo đảm tự do thể hiện ý nguyện của cộng đồng; nó giả định việc độc lập thông qua quyết định có ý nghĩa chung khi tính đến lợi ích của kẻ yếu lẫn kẻ mạnh, cả đa số lẫn thiểu số.

Quá trình xây dựng cơ chế hợp tác giữa các nền văn minh là rất lâu dài và phức tạp, trải qua các hình thức và các giai đoạn kế tiếp nhau, với tốc độ khác nhau ở các bộ phận khác nhau trên hành tinh.

Hiện nay, có những nghiên cứu về tích hợp văn hoá, nghĩa là kết hợp hài hoà các đặc điểm của chế độ văn hoá xã hội tích cực. P. Sorokin đã tiên đoán sự hình thành trong tương lai một loại hình văn hoá xã hội tích hợp, thay thế cho loại hình văn hoá cảm tính đang thống trị ở phương Tây và loại hình văn hoá xã hội lý tưởng hoá thống trị ở phương Đông. Điều đó không có nghĩa là nhất thể hoá hoàn toàn loại hình văn hoá xã hội và tâm thái ở phương Đông và phương Tây. Loại hình văn hoá xã hội tích hợp là mang tính hài hoà, nó không dung hợp được với hình thức thô

thiển, đê tiện của sự bành trướng quân sự, kinh tế, với chủ nghĩa khắc kỷ tôn giáo và khát vọng tiêu diệt “tà giáo”. Loại hình này là phù hợp với xã hội hậu công nghiệp nhân đạo đang hình thành, là trụ cột tinh thần của nó. Nó có cái mà UNESCO gọi là “văn hoá hoà bình”: “hiểu biết lẫn nhau và khoan dung; nhận thức và thừa nhận tính đa sắc thái và đa cực của thế giới, quyền bình đẳng và sự tương tác giữa các nền văn hoá, các dân tộc, các nền văn minh khác nhau; tôi luyện khả năng ngăn chặn xung đột còn nếu chúng xuất hiện (xung đột tất yếu xuất hiện trong thế giới biến đổi theo chu kỳ, có bất đồng về lợi ích) - biết tìm ra các phương pháp hoà bình, phi bạo lực để giải quyết chúng, không đưa tình hình đến bạo lực, chiến tranh. Song việc thay thế sự sùng bái chiến tranh bằng văn hoá hoà bình là công việc kéo dài, nó đòi hỏi có sự thay thế của vài thế hệ và phải khắc phục sự phản kháng của các thủ lĩnh, các nhà lãnh đạo tổ hợp công nghiệp quân sự và việc buôn bán vũ khí. Chỉ có một phong trào xã hội đại chúng, toàn cầu hoá và sự giám sát của nó đối với giới chóp bu chính trị và quân sự của mọi nước và mọi nền văn minh mới có khả năng giải quyết vấn đề toàn cầu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diễn đàn Merrill Lynch. Toàn cầu hóa kinh tế và văn hóa: đối thoại với tiến sĩ Francis Fukuyama.. (<http://www.ml.com>), 2004.
2. Guo Jiemin. Thử bàn về dựng độ văn hoá trong quan hệ quốc tế, TN 2004 - 85&86 (Viễn Phố dịch).
3. Zotov V.D. Các nền văn minh thế kỷ XXI – Xung đột và chiến tranh hay

- đối thoại và hợp tác? TN 2006-12&13.
4. Wang Jian. Đối thoại văn minh trong tầm nhìn toàn cầu hoá kinh tế - Kiềm bản về cơ sở văn hoá của hợp tác Á - Âu, TN 2004 - 38 (Viễn Phố dịch).
 5. Dragunskij D.V. Cuộc nội chiến giữa các nền văn minh, TN 2004 - 57 (Ngô Thế Phúc dịch).
 6. Ronald Inglehart, Pippa Norris. Sự dụng độ thực sự giữa các nền văn minh, TN 2004 - 58 (Ngô Thế Bắc dịch).
 7. Fung Ningjun. Một bài khoá to lớn có tính thời đại (Hội thảo khoa học ở Nam Kinh về "Toàn cầu hoá và những dụng độ về giá trị"), TN 2000 - 09, (Nguyễn Đại dịch).
 8. Huntington S.P. Sự dụng độ giữa các nền văn minh?, chuyên đề *Thông tin KHXH* số 1, 1995.
 9. Tzvetan Todorov. Chúng ta có thể không cần đến những thiên thần, nhưng không thể sống thiếu những người khác, TN 2007 - 25&26 (Lê Sơn dịch).
 10. Xie Yiaian. Phân tích các quan điểm trong bài "Sự dụng độ giữa các nền văn minh?", chuyên đề *Thông tin KHXH* số 1, 1995

(Tiếp theo trang 33)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Jr. Chandler. Strategy and Structure. New York: Doubleday & Company, Inc., 1966.
2. O. Williamsons. Markets and Hierarchies: Analysis and Antitrust Implication". New York: The Free Press, 1975.
3. Tiên Đình Nhất. Kinh tế học hiện đại và cải cách kinh tế Trung Quốc, Đại học Nhân dân Trung Quốc: 2004.
4. F. von Hayek (1960). Nguyên lý của trật tự tự do. Tam Liên thư điểm: 2003.
5. Yingyi Qian, G. Roland and Chenggang Xu. "Why China's Economic Reforms Differ: The M-Form Hierarchy and Entry/Expansion of the Non-State Sector", The Economics of Transition, 1993, 1(2):135-170.
6. Kornai János. Kinh tế học thiếu hụt (quyền thượng). Khoa học kinh tế: 1986.
7. D. Van Atta. "Russian Agriculture between Plan and Market", in D. Van Atta (ed.): The "Farmer Threat", 9 - 24, Boulder, CO: Westview Press, 1993.
8. J. Butterfield. "Devolution in Decision-Making and Organizational Change in Soviet Agriculture" in W. Moskoff (ed), Perestroika in the Countryside, 19 - 46. New York: M. E. Sharpe, 1990.
9. Đoàn Văn Bản. Phân công, thù lao tăng dần và chế độ doanh nghiệp - Một khung lý thuyết và phân tích về doanh nghiệp nhà nước. Nhân dân Thiên Tân: 1998.